

KẾ HOẠCH

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Điện Biên năm 2026

Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026-2030; căn cứ kết quả công bố Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công bố ngày 15/5/2026; UBND tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Điện Biên năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tập trung cải thiện các chỉ số thành phần PCI còn thấp, có xu hướng giảm điểm hoặc chưa bền vững; đồng thời tiếp tục duy trì, phát huy các chỉ số có kết quả tích cực, phấn đấu nâng cao điểm số và thứ hạng Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Điện Biên trong các năm tiếp theo.
- Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng công khai, minh bạch, thuận lợi, bình đẳng; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh và sức hấp dẫn của tỉnh trong thu hút đầu tư.
- Tăng cường niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư; thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số PCI; coi kết quả cải thiện PCI là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng giảm thời gian, giảm chi phí tuân thủ, giảm chi phí không chính thức; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.
- Các nhiệm vụ, giải pháp phải được triển khai đồng bộ, cụ thể, khả thi, có lộ trình, sản phẩm và thời hạn hoàn thành rõ ràng; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ

giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả và kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, thực chất môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng công khai, minh bạch, thuận lợi, an toàn, bình đẳng và thân thiện; nâng cao chất lượng điều hành của chính quyền các cấp, tính năng động, trách nhiệm giải trình và hiệu quả phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước; tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp gia nhập thị trường, tiếp cận các nguồn lực, mở rộng đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh. Lấy mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ và hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể: Phân đầu Chỉ số PCI năm 2026 của tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh có xếp hạng khá, đạt từ 64,75 điểm trở lên; tăng điểm tối thiểu 06/09 chỉ số thành phần.

III. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tổ chức triển khai nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, phát triển kinh tế tư nhân, chuyển đổi số và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chuyển mạnh tư duy từ quản lý hành chính sang phục vụ, đồng hành và kiến tạo phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường chủ động phân tích, đánh giá kết quả Chỉ số PCI năm 2025; xác định rõ nguyên nhân tăng, giảm của từng chỉ số thành phần, chỉ tiêu thành phần thuộc phạm vi quản lý; xây dựng kế hoạch, giải pháp cụ thể nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng điều hành, giữ vững các chỉ tiêu đạt kết quả tốt và tập trung cải thiện các chỉ tiêu có điểm số thấp, giảm điểm hoặc chưa bền vững; xác định rõ trách nhiệm, tiến độ, sản phẩm và kết quả thực hiện của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân.

3. Nâng cao đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình giải quyết công việc đối với người dân và doanh nghiệp; xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, yêu cầu bổ sung hồ sơ ngoài quy định hoặc kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

4. Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy trình nội bộ; cắt giảm thời gian thực hiện TTHC theo cơ chế luồng xanh đối với những thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa hồ sơ, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn, trước hạn và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

5. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp, nhà đầu tư theo hướng thực chất, hiệu quả; thực hiện nghiêm việc theo dõi, đôn đốc, giải quyết dứt điểm các kiến nghị, cam kết và kết luận sau đối thoại; phát huy hiệu quả hoạt động của đường dây nóng, các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và cơ chế phối hợp liên ngành trong hỗ trợ doanh nghiệp.

6. Công khai, minh bạch, đầy đủ, kịp thời các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất, danh mục dự án thu hút đầu tư, thủ tục đầu tư, đấu thầu, đấu giá, cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, thị trường lao động và các nguồn lực phục vụ hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, tra cứu và khai thác thông tin.

7. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các tổ chức tín dụng, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, đơn vị tư vấn và các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận đất đai, tín dụng, lao động, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, thị trường và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp ổn định hoạt động, mở rộng đầu tư, sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững.

8. Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ công khai kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải thiện PCI của từng cơ quan, đơn vị; gắn kết quả cải thiện Chỉ số PCI với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Chi tiết tại phụ lục I, II kèm theo Kế hoạch này).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, khẩn trương xây dựng và ban hành Kế hoạch hoặc văn bản triển khai thực hiện của cơ quan, đơn vị; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm, trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân trong thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI). Hoàn thành **trước ngày 31/7/2026**.

- Cử cán bộ đầu mối theo dõi, tham mưu triển khai các nhiệm vụ liên quan đến PCI, gửi văn bản về Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành Kế hoạch hoặc văn bản triển khai; trường hợp thay đổi cán bộ đầu mối, thông báo bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có thay đổi.

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những nội dung vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (thông qua Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch) để xem xét, chỉ đạo giải quyết.

2. Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); kịp thời phản ánh các mô hình, cách làm hiệu quả, các sáng kiến cải cách, đồng thời lan tỏa hình ảnh môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Điện Biên đến cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư.

3. Chế độ báo cáo

Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch định kỳ hằng quý (trước ngày 20 của tháng cuối quý) và báo cáo năm (trước ngày 10 tháng 12), gửi Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Nội dung báo cáo phải nêu rõ kết quả thực hiện, số liệu minh chứng, các nhiệm vụ chưa hoàn thành, nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp khắc phục.

4. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh: Chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; tham mưu UBND tỉnh tổ chức, đánh giá, kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và Chỉ số PCI của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Điện Biên năm 2026. Yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Liên đoàn TM và CN Việt Nam (VCCI);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh và khối đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình Điện Biên;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các Hiệp hội DN trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lương

PHỤ LỤC I
MỤC TIÊU PCI NĂM 2026 VÀ PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số: 6135/KH-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Chỉ số 1: Gia nhập thị trường	7,47	7,50	Sở Tài chính	Các sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện; UBND cấp xã
1	Số ngày trung vị để hoàn thành thủ tục Đăng ký doanh nghiệp	1,50	1,50	Sở Tài chính	Cơ quan thuế quản lý địa bàn tỉnh; UBND cấp xã
2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ ĐKDN từ 2 lần trở lên (%)	33,33	33,50	Sở Tài chính	Cơ quan thuế quản lý địa bàn tỉnh; UBND cấp xã
3	Hướng dẫn thủ tục ĐKDN rõ ràng, đầy đủ (% đồng ý)	56,52	60,00	Sở Tài chính	Cơ quan thuế quản lý địa bàn tỉnh; UBND cấp xã
4	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (% đồng ý)	66,67	70,00	Các sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện	Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã
5	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% đồng ý)	66,67	70,00	Các sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện	Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã
6	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% đồng ý)	66,67	71,00	Các sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện	Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
7	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% đồng ý)	66,67	67,00	Các sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện	Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã
8	Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%).	9,30	9,20	Các sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện	Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã
9	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do khó khăn khi đăng ký doanh nghiệp (%)	13,16	13,00	Sở Tài chính	Cơ quan thuế quản lý địa bàn tỉnh; UBND cấp xã
10	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%).	21,43	21,00	Các sở quản lý ngành, lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện	Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã
II	Chỉ số 2: Tiếp cận nguồn lực	5,60	6,00	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; Ngân hàng Nhà nước khu vực/chi nhánh phụ trách địa bàn; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã
1	Gặp khó khăn trong tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (% doanh nghiệp)	26,98	23,00	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; UBND cấp xã; Trung tâm Phát triển quỹ đất/đơn vị GPMB
2	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn quy định (% đồng ý)	66,67	60,00	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; UBND cấp xã; Trung tâm Phát triển quỹ đất/đơn vị GPMB
3	Điểm số đánh giá mức độ rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp-5=Rất cao)	1,87	1,65	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; UBND cấp xã; Trung tâm Phát triển quỹ đất/đơn vị GPMB

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Không làm thủ tục đề nghị cấp GCN quyền sử dụng đất do lo ngại thủ tục hành chính rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu (% doanh nghiệp)	21,05	13,00	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; UBND cấp xã; Trung tâm Phát triển quỹ đất/đơn vị GPMB
5	Tri hoãn hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính đất đai (% doanh nghiệp)	50,00	49,00	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Sở Tài chính; UBND cấp xã; Trung tâm Phát triển quỹ đất/đơn vị GPMB
6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được các khoản vay từ tổ chức tín dụng (%)	32,26	32,30	Ngân hàng Nhà nước KV 3/chi nhánh phụ trách địa bàn	Sở Tài chính; các tổ chức tín dụng; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
7	Chính quyền tỉnh chủ động trong việc tổ chức các chương trình kết nối doanh nghiệp và ngân hàng (% đồng ý)	9,84	13,00	Ngân hàng Nhà nước KV 3/chi nhánh phụ trách địa bàn	Sở Tài chính; các tổ chức tín dụng; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
8	Các chính sách hỗ trợ lãi suất của tỉnh (nếu có) là dễ tiếp cận và thực chất (% đồng ý)	60,61	61,00	Ngân hàng Nhà nước KV 3/chi nhánh phụ trách địa bàn	Sở Tài chính; các tổ chức tín dụng; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
9	Mức độ sẵn có và dễ dàng tiếp cận các cơ sở dữ liệu mở của tỉnh (1: rất khó/không thể tiếp cận - 5: rất dễ)	2,90	3,00	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; các sở, ngành; UBND cấp xã
10	Các nền tảng số dùng chung do tỉnh cung cấp để hỗ trợ doanh nghiệp có chất lượng tốt (% đồng ý)	48,28	58,00	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; các sở, ngành; UBND cấp xã
III	Chỉ số 3: Tính minh bạch	7,36	7,37	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Khả năng tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3,40	3,40	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã
2	Khả năng tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3,50	3,50	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
3	Điểm số mức độ hữu ích của thông tin được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (1-5).	2,27	2,45	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã
4	Điểm số đánh giá độ mở Cổng thông tin điện tử chính quyền cấp tỉnh (thang điểm 100)	51,41	58,00	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã
5	Cần có 'mối quan hệ' để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc thuận lợi (% đồng ý).	36,07	33,00	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành; UBND cấp xã
6	Mức độ kịp thời doanh nghiệp nhận được thông tin dự thảo chính sách (điểm trung bình thang điểm 1-5, cao hơn là tốt hơn).	3,00	3,00	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
7	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được phản hồi và giải quyết thỏa đáng sau khi gửi kiến nghị, phản ánh (%).	57,69	57,70	Văn phòng UBND tỉnh	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; các sở, ngành; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
8	Các hiệp hội doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách của tỉnh (% đồng ý).	53,33	59,00	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; các sở, ngành
9	Hoạt động đấu thầu công khai minh bạch (% đồng ý)	83,61	90,50	Sở Tài chính	Thanh tra tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; các bên mời thầu; UBND cấp xã
10	Có thể dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% đồng ý)	50,85	50,85	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh
11	Có thể dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% đồng ý)	50,85	50,85	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
12	Điểm số đánh giá công khai, minh bạch (Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang điểm 100)	15,29	15,30	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã
IV	Chỉ số 4: Chỉ phí tuân thủ hành chính	7,01	7,30	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; Thanh tra tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã
1	Tỷ lệ doanh nghiệp phải dành 10% quỹ thời gian của lãnh đạo để làm việc với các cơ quan nhà nước và tuân thủ quy định (%).	23,81	23,81	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành; UBND cấp xã
2	Cán bộ nhà nước thân thiện (% đồng ý)	82,14	85%	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành; UBND cấp xã
3	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% đồng ý).	75,00	80,80	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành; UBND cấp xã
4	Thời gian thực hiện thủ tục hành chính được rút ngắn hơn so với quy định (% đồng ý)	74,55	80,00	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	
5	Không gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến (% đồng ý)	88,89	90,00	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	
6	Thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp tiết giảm thời gian (% đồng ý)	88,89	90,00	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	
7	Thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp tiết giảm chi phí (% đồng ý)	85,25	89,30	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	
8	Điểm số đánh giá tiến độ giải quyết thủ tục hành chính (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang 100)	19,73	19,73	VP UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành; UBND cấp xã

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
9	Điểm số đánh giá chất lượng dịch vụ trực tuyến (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang 100)	9,68	10,00	VP UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành; UBND cấp xã
10	Điểm số đánh giá kết quả số hóa hồ sơ (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang 100)	20,10	21,00	VP UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành; UBND cấp xã
11	Bị thanh kiểm tra từ 2 lần trở lên một năm (% doanh nghiệp)	13,11	13,10	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
12	Nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (% đồng ý)	14,81	8,80	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
V	Chỉ số 5: Chi phí không chính thức	7,93	8,00	Thanh tra tỉnh	Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh; Sở Tài chính; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã
1	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý rằng doanh nghiệp thường phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ nhà nước tại địa phương (%)	32,26	32,26	Thanh tra tỉnh	Sở Nội vụ; Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã
2	Mức trung bình số lĩnh vực quản lý mà doanh nghiệp báo cáo có phát sinh chi phí không chính thức	0,34	0,34	Thanh tra tỉnh	Sở Nội vụ; Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã
3	Hoạt động thanh, kiểm tra có phát sinh chi phí không chính thức (% đồng ý)	17,86	12,50	Thanh tra tỉnh	Sở Nội vụ; Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã
4	Chi trả chi phí không chính thức là bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% đồng ý)	33,33	33,20	Sở Tài chính	Thanh tra tỉnh; Công an tỉnh; các bên mời thầu; UBND cấp xã
5	Tình trạng chạy án là phổ biến (% đồng ý)	11,11	11,10	Tòa án nhân dân tỉnh	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Công an tỉnh; Sở Tư pháp; Thanh tra tỉnh

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6	Tỷ lệ doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức (%)	1,72	1,72	Thanh tra tỉnh	Sở Nội vụ; Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã
7	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý rằng tình trạng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính là phổ biến (%)	40,00	39,80	Thanh tra tỉnh	Sở Nội vụ; Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã
8	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết chi phí không chính thức luôn hoặc thường giúp công việc được giải quyết như mong muốn (%)	61,54	61,50	Thanh tra tỉnh	Sở Nội vụ; Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã
VI	Chỉ số 6: Cạnh tranh bình đẳng	5,56	5,60	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Cơ quan thuế quản lý địa bàn tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; các sở, ngành; UBND cấp xã
1	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp (% đồng ý)	78,57	78,57	Sở Tài chính	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
2	Tính ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển SME tại địa phương (% đồng ý)	71,19	65,70	Sở Tài chính	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
3	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	52,08	52,00	Sở Tài chính	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
4	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	50,00	47,70	Sở Tài chính	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
5	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	20,83	20,80	Cơ quan thuế quản lý địa bàn tỉnh	Sở Tài chính; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	35,42	26,10	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; UBND cấp xã; Thanh tra tỉnh
7	Dễ dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	33,33	19,00	Sở Tài chính	Thanh tra tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
8	Tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa (% đồng ý)	31,25	30,55	Sở Tài chính	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
9	Các nguồn lực kinh tế chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh (% đồng ý)	56,14	56,14	Sở Tài chính	Thanh tra tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
10	Ưu đãi cho doanh nghiệp lớn là cản trở đối với hoạt động của doanh nghiệp tôi (% đồng ý)	54,10	54,10	Sở Tài chính	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
VII	Chỉ số 7: Hỗ trợ doanh nghiệp	5,40	5,50	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã
1	Tỷ lệ số loại hình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận được trên tổng số các loại hỗ trợ được khảo sát (%)	67,56	67,80	Sở Tài chính	Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã
2	Mức độ thuận lợi khi thực hiện thủ tục để hưởng 13 chương trình hỗ trợ của tỉnh (điểm trung bình thang 1-5, điểm cao hơn = thuận lợi hơn)	3,00	3,00	Sở Tài chính	Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã
3	Mức độ các chương trình hỗ trợ của tỉnh đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp (điểm trung bình thang 1-4, điểm cao hơn = tốt hơn)	3,40	3,40	Sở Tài chính	Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Tiếp cận được các chương trình hỗ trợ của tỉnh về hỗ trợ hội nhập quốc tế (% doanh nghiệp)	33,33	33,33	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã
5	Các chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế đáp ứng được nhu cầu (% doanh nghiệp)	46,43	46,43	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã
6	Nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo (% doanh nghiệp)	4,69	4,80	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
7	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết đã nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước và có thành phần hỗ trợ từ cấp tỉnh (%)	4,69	4,69	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã
8	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	1,36	2,70	Các sở, ngành tỉnh	UBND cấp xã; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
9	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	68,18	90,00	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
10	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% đồng ý)	75,81	75,90	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; UBND cấp xã
11	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% đồng ý)	57,38	61,50	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã
12	Chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	5,00	5,00	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã
13	Chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	5,00	5,00	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã
14	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%)	16,88	24,00	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
15	Điểm thi trung bình của học sinh địa phương trong kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia	5,78	6,00	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; UBND cấp xã
16	Lao động địa phương nhìn chung đáp ứng hoàn toàn hoặc phần lớn nhu cầu của doanh nghiệp (% đồng ý)	56,67	58,00	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã
17	Mức độ lao động địa phương đáp ứng về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số (thang điểm 1-5, điểm cao = đáp ứng tốt hơn)	3,50	4,00	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã
VIII	Chỉ số 8: Thiết chế pháp lý	6,77	7,30	Sở Tư pháp	Công an tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Thanh tra tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
1	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tốt (% đồng ý)	66,10	83,00	Công an tỉnh	UBND cấp xã; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
2	Tỷ lệ doanh nghiệp báo cáo bị trộm cắp hay đột nhập (%)	13,33	7,00	Công an tỉnh	UBND cấp xã; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
3	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng và sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp kinh tế (%).	10,71	22,00	Tòa án nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
4	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế như hòa giải, trọng tài (%)	77,78	77,78	Tòa án nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp; Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
5	Hệ thống pháp luật tại địa phương bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của chủ doanh nghiệp trong các tranh chấp kinh doanh (% đồng ý)	94,83	94,83	Sở Tư pháp	Tòa án nhân dân tỉnh; Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6	Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý)	96,61	96,61	Tòa án nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
7	Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế nhanh chóng (% đồng ý)	91,53	91,53	Tòa án nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
8	Các phán quyết của tòa án là công bằng, khách quan và có thể dự báo được (% đồng ý)	81,36	91,30	Tòa án nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
9	Việc thi hành các bản án kinh tế có hiệu lực của tòa án diễn ra nhanh chóng, hiệu quả (% đồng ý)	64,41	85,50	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	Tòa án nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp; Công an tỉnh
10	Cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ DN hiệu quả (% đồng ý)	87,93	88,00	Sở Tư pháp	Tòa án nhân dân tỉnh; Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
11	Số vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 1.000 doanh nghiệp	1,21	1,60	Tòa án nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh
IX	Chỉ số 9: Chính quyền kiến tạo	5,34	5,40	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
1	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% đồng ý)	67,21	67,21	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
2	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% đồng ý)	54,69	64,00	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
3	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% đồng ý)	51,56	61,00	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã

STT	Chỉ số/Chỉ tiêu PCI	Điểm năm 2025	Mục tiêu năm 2026	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4	Chủ trương, chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp là ổn định và nhất quán (% đồng ý)	37,50	60,30	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
5	Tin tưởng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh (%)	64,91	65,00	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
6	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại (% đồng ý)	67,21	67,21	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
7	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% đồng ý)	58,06	58,06	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã
8	Các xã, phường không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% đồng ý)	54,10	54,10	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành; UBND cấp xã

PHỤ LỤC II
CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: 6135 KH-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
I	Gia nhập thị trường				
1	Rà soát, chuẩn hóa và số hóa các biểu mẫu liên quan đến thủ tục đăng ký doanh nghiệp và các ngành nghề kinh doanh có điều kiện; công khai trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, cơ quan, đơn vị. Đồng thời xây dựng các biểu mẫu điện tử có sẵn dữ liệu gợi ý để người dân, doanh nghiệp dễ dàng kê khai thông tin, hạn chế sai sót khi chuẩn bị hồ sơ.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành phụ trách những lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện	Thực hiện thường xuyên	- Thực hiện giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp đúng quy định, phần đầu duy trì thời gian xử lý trung vị không quá 1,5 ngày làm việc. - Thời gian cấp phép ngành nghề kinh doanh có điều kiện thấp hơn so với văn bản quy định.
2	Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh có điều kiện và các thủ tục sau đăng ký nhằm giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong hệ thống.	Các Sở, ban, ngành phụ trách những lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện		Thực hiện thường xuyên	Ngân hàng dữ liệu chung trên hệ thống

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
3	Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn hộ kinh doanh thực hiện đăng ký kinh doanh, chuyển đổi thành doanh nghiệp khi đủ điều kiện; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết kịp thời các thủ tục thuộc thẩm quyền, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Nội dung tuyên truyền, hình thức tuyên truyền
II Tiếp cận nguồn lực					
4	Công khai quy định về đất đai, thủ tục hành chính đất đai, nội dung hướng dẫn điền biểu mẫu, tờ khai trên Website của Sở, liên kết Cổng Thông tin điện tử UBND cấp xã; niêm yết tại Bộ phận một cửa.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	- 100% quy định, TTHC và các nội dung hướng dẫn được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường và liên kết đến Trang thông tin điện tử của UBND cấp xã. - 100% quy định, TTHC và các nội dung hướng dẫn được niêm yết, công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và cấp xã.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
5	Đề xuất các giải pháp, quy trình nhằm duy trì, rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp. Giám sát việc chấp hành pháp luật, quy trình kiểm tra, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
6	Tập trung tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng đối với các dự án trọng điểm, dự án thu hút đầu tư; xây dựng, cập nhật và công khai danh mục quỹ đất sạch, quỹ đất đang giải phóng mặt bằng, tiến độ và thời điểm dự kiến hoàn thành để nhà đầu tư chủ động tiếp cận.	UBND cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ hằng quý kết quả thực hiện.
7	Chỉ đạo các chi nhánh ngân hàng thương mại chủ động tổ chức hiệu quả các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp.	Ngân hàng Nhà nước khu vực 3	Các chi nhánh ngân hàng thương mại	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ 6 tháng và 1 năm kết quả thực hiện.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
8	Nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu mở và các nền tảng số dùng chung phục vụ doanh nghiệp; chuẩn hóa, cập nhật và liên thông dữ liệu, bảo đảm dễ tìm kiếm, dễ truy cập.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
III Tính minh bạch					
9	Nâng cao chất lượng, tăng tính thời sự, tiện ích và hấp dẫn để tăng tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào Cổng Thông tin điện tử tỉnh, đảm bảo tin tức trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh cập nhật nhanh chóng, chính xác, kịp thời nhất là các tin về ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ nhà đầu tư.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Tỷ lệ doanh nghiệp thường xuyên truy cập Cổng Thông tin điện tử tỉnh tăng so với năm 2025.
10	Công khai 100% thông tin, tài liệu (trừ tài liệu mật): Các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, các văn bản quy phạm pháp luật, các thủ tục hành chính, danh mục các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin của Sở, ban, ngành UBND xã, phường.	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện công khai đầy đủ theo quy định.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
11	Tăng cường khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh và việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Tư pháp phối hợp góp ý	Thực hiện thường xuyên	Sớm tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo sự thay đổi quy định pháp luật của Trung ương.
12	Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện công khai đầy đủ theo quy định.
13	Tham gia tích cực trong việc xây dựng, phản biện các chính sách, quy định cải cách thủ tục hành chính của tỉnh.	Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh		Thực hiện thường xuyên	Phản hồi/góp ý bằng văn bản.
IV Chỉ phí tuân thủ hành chính					
14	Tăng cường kỹ năng cho đội ngũ cán bộ công chức để cải thiện về thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp với phương pháp đào tạo tiên tiến.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	Thực hiện thường xuyên	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
15	Nâng cao chất lượng dịch vụ trực tuyến, số hóa hồ sơ và kết quả; khai thác, tái sử dụng dữ liệu, giảm số lần kê khai, đi lại và chờ đợi của doanh nghiệp	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
16	Giải quyết hồ sơ đúng hạn, trước hạn; hướng dẫn một lần, đầy đủ; không yêu cầu bổ sung nhiều lần hoặc phát sinh giấy tờ ngoài quy định.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã		Thực hiện thường xuyên	
17	Đôn đốc, hướng dẫn các sở, ngành và UBND cấp xã thực hiện việc lập kế hoạch kiểm tra thống nhất, tránh chồng chéo trong nội bộ địa phương và các đoàn thanh tra, kiểm tra của Trung ương. Đảm bảo nguyên tắc tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp trong cùng một năm, hạn chế tối đa chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động kiểm tra chuyên ngành với hoạt động thanh tra, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	Thực hiện thường xuyên	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
18	Quản triệt đội ngũ cán bộ công chức thực thi công vụ, nhất là cán bộ thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra nghiêm túc thực hiện việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đặc biệt lưu ý trong các lĩnh vực: đăng ký doanh nghiệp, cấp phép kinh doanh có điều kiện, phòng cháy, chữa cháy, đất đai, môi trường, xây dựng, thuế, quản lý thị trường, thi hành án.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.		Thực hiện thường xuyên	Tổ chức/lồng ghép tuyên truyền phòng, chống tham nhũng tại các cuộc họp.
V	Cạnh tranh bình đẳng				
19	Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng “mối quan hệ” để có được những ưu đãi đặc biệt, chính sách riêng (hợp đồng kinh tế; khai thác tài nguyên; đấu thầu, chỉ định thầu; giao, cho thuê đất đầu tư, sản xuất kinh doanh,...) gây bất bình đẳng giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.		Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
20	Công khai các điều kiện và tiêu chí để mọi loại hình doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tiếp cận nguồn lực của nhà nước, nhất là các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, tiếp cận đất đai, tín dụng.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện công khai theo quy định.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
21	Tăng cường tuyên truyền nâng cao vai trò của các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh để hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trong việc tiếp cận các nguồn lực, thủ tục và chính sách của tỉnh.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
VI	Hỗ trợ doanh nghiệp				
22	Tham mưu chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, hợp tác xã; hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các chương trình hỗ trợ tài chính theo quy định.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	Thực hiện thường xuyên	Tổ chức tối thiểu 02 khóa đào tạo/năm.
23	Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ/đợt xuất kết quả thực hiện.
24	Tổ chức xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, hội chợ, triển lãm, thương mại điện tử	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Sở Công Thương	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
25	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu ở trong và ngoài nước, khuyến công, logistics và chuỗi cung ứng.	Sở Công Thương	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
26	Khảo sát nhu cầu, phổ biến chính sách, tổ chức đào tạo, tư vấn quản trị và phản ánh mức độ thuận lợi khi doanh nghiệp tiếp cận chương trình hỗ trợ.	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
27	Hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tài sản trí tuệ, năng suất, chất lượng và ứng dụng công nghệ; nâng tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận hỗ trợ tài chính của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
28	Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông; phân tích phổ điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT theo từng môn, từng cơ sở giáo dục để xác định và khắc phục các môn, đơn vị có điểm trung bình thấp; tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; tổ chức ôn tập, phụ đạo cho học sinh, nhất là tại các địa bàn khó khăn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
29	Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; mở rộng quy mô, đa dạng hóa ngành nghề và nâng cao chất lượng đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp trên địa bàn; đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động chưa qua đào tạo gắn với cấp văn bằng, chứng chỉ để nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
30	Phát triển đào tạo kỹ năng nghề, kỹ năng số theo chuẩn; cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo theo yêu cầu công nghệ mới và chuyển đổi số; chú trọng rèn luyện tác phong công nghiệp, kỹ năng mềm cho người học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
31	Đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp (đào tạo theo đặt hàng, đào tạo gắn với thực hành tại doanh nghiệp, đào tạo lại, đào tạo nâng cao); định kỳ khảo sát nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp để điều chỉnh ngành nghề, quy mô đào tạo; tổ chức kết nối cung – cầu lao động giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
VII	Thiết chế pháp lý				

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
32	Nâng cao chất lượng hỗ trợ pháp lý, đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ tư pháp trên địa bàn tỉnh.	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành	Thực hiện theo lộ trình, thời gian quy định của pháp luật hoặc hướng dẫn của Bộ Tư pháp	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
33	Chủ trì tiếp nhận, xử lý, giải quyết hoặc tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền; tăng cường theo dõi, đôn đốc việc giải quyết đơn thư của doanh nghiệp; xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, tiêu cực trong thực thi công vụ, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với cơ quan hành chính nhà nước.	Thanh tra tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND cấp xã	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
34	Nâng cao chất lượng hoạt động xét xử theo tinh thần cải cách tư pháp, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, phán quyết công bằng, đúng pháp luật để cộng đồng doanh nghiệp tin tưởng, tôn trọng sự bảo vệ của pháp luật.	Tòa án nhân dân tỉnh	Sở Tư pháp	Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
35	Tăng cường phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm, tạo môi trường an ninh, an toàn, lành mạnh để doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh; chỉ đạo các lực lượng chức năng chỉ thực hiện việc kiểm tra các doanh nghiệp trong trường hợp thực sự cần thiết nhằm cải thiện chỉ tiêu bảo đảm an ninh trật tự tại tỉnh; rà soát, phát hiện, trấn áp các loại tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm có tổ chức, hoạt động bảo kê trên địa bàn tỉnh. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, phòng, chống cháy, nổ trên địa bàn; tạo môi trường an ninh, lành mạnh; không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự.	Công an tỉnh		Thực hiện thường xuyên	Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện.
VIII	Chính quyền kiến tạo				

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
36	Tham mưu UBND tỉnh tổ chức đối thoại doanh nghiệp để giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp.	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	Thực hiện thường xuyên	Tổ chức hội nghị đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc định kỳ và khi cần thiết; theo dõi kết quả xử lý sau đối thoại.
37	Tham mưu UBND tỉnh triển khai khảo sát Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh các Sở, ngành, địa phương (DDCI) hằng năm nhằm tạo sự cạnh tranh, nâng cao năng lực điều hành giữa các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường.	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã.	Năm 2026	Báo cáo năng lực cạnh tranh các Sở, ngành, địa phương (DDCI) hằng năm.